

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Khoa học tự nhiên
Trình độ: Đại học

Khóa: 2025

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			26	304	86		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
Học phần tự chọn			10	135	15		
13	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
14	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		A
15	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		A
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			21	187	128		
16	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
17	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
18	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
19	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
20	31328035	Trái đất và bầu trời	2	20	10		A
Học phần tự chọn			7	50	55		
21	31432253	Bài tập Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở	3	15	30		A
22	31421087	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên môn	2	20	10		A
23	31328036	Thiết bị dạy học tự làm môn KHTN	2	15	15		A
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			58	450	630		
24	31531008	Tế bào và vi sinh vật	3	30	15		
25	31524261	Sinh học con người	2	20	10		A
26	31534025	Sinh học động vật	3	30	15		A
27	31538033	Sinh học thực vật	3	30	15		A
28	31338039	Hóa học hữu cơ	3	30	15		A
29	31338038	Điện và từ	3	30	15		A
30	31348037	Cơ và sóng cơ	4	45	15		A
31	31441098	Hóa vô cơ	4	45	15		A
32	31521009	Sinh thái và môi trường	2	20	10		A
33	31531005	Di truyền và tiến hóa	3	45	0		A
34	31422261	Thí nghiệm hóa đại cương	2	0	60		A
35	31442259	Hóa học Đại cương	4	45	15		A
36	31422235	Thí nghiệm hóa vô cơ và hữu cơ	2	0	60		A
37	31322232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	60		A
38	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	30		A
39	31342229	Nhiệt học và quang học	4	45	15		A
Học phần tự chọn			12	35	265		
40	31421306	Hóa học môi trường	2	20	10		A
41	31421003	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
42	31461060	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
43	31422249	Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên	2	15	15		A

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			46	345	480		
44	31421005	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	2	15	15		
45	31538034	Dạy học chủ đề vật sống	3	30	15		
46	31338044	Dạy học chủ đề chất và sự biến đổi chất	3	30	15		A
47	31338043	Dạy học chủ đề năng lượng và sự biến đổi	3	30	15		
48	31328042	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	2	20	10		
49	31328041	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	2	20	10		
50	31328040	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	2	20	10		
51	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
52	31441059	Thực tập sư phạm	4	0	120	31421058	
53	31421058	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
54	31322254	Dạy học STEM trong Khoa học tự nhiên	2	15	15		A
55	31432247	Thực hành dạy học Khoa học tự nhiên	3	0	90		
56	31322246	Kiểm tra đánh giá trong dạy họcKhoa học tự nhiên	2	20	10		A
57	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	13	17		
Học phần tự chọn			11	105	60		
58	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	20	10		
59	31328045	STEM kết nối cảm biến, AI, IoT	2	15	15		A
60	31338046	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học tự nhiên	3	30	15		A
61	31528035	Hóa sinh bảo quản chế biến	2	20	10		A
62	31328047	Hóa học ứng dụng	2	20	10		A
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			151	1286	1324		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			111	961	929		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			19				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần ghi chú "A" là học phần có thể dạy bằng tiếng Anh.
- Học phần tiên quyết là học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG KHOA

TS. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký)
Lê Thanh Huy

(Chữ ký)
Nguyễn Quý



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Khoa học tự nhiên
Trình độ: Đại học
Khóa: 2025
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	0	15		
	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
	31421005	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên	2	15	15		
	31531008	Tế bào và vi sinh vật	3	30	15		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	12	117	63		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	0	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31348037	Cơ và sóng cơ	4	45	15		A
	31538033	Sinh học thực vật	3	30	15		A
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	165	75		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	0	15		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31338038	Điện và từ	3	30	15		A
	31422261	Thí nghiệm hóa đại cương	2	0	60		A
	31442259	Hóa học đại cương	4	45	15		A
		Học phần tự chọn					
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	127	113		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	30		A
	31441098	Hóa vô cơ	4	45	15		A
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn					
	31328036	Thiết bị dạy học tự làm môn KHTN	2	15	15		A
	31338046	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học tự nhiên	3	30	15		A
		Số tín chỉ trong kỳ	15	134	91		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31328035	Trái đất và bầu trời	2	20	10		A
	31338039	Hóa học hữu cơ	3	30	15		A
	31342229	Nhiệt học và quang học	4	45	15		A
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31328047	Hóa học ứng dụng	2	20	10		A
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		A
		Số tín chỉ trong kỳ	16	176	64		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31322232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	60		A
	31422235	Thí nghiệm hóa vô cơ và hữu cơ	2	0	60		A
	31534025	Sinh học động vật	3	30	15		A
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31528035	Hóa sinh bảo quản chế biến	2	20	10		A
	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		A
		Số tín chỉ trong kỳ	17	147	168		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
7	31328041	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	2	20	10		
	31328040	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	2	20	10		
	31524261	Sinh học con người	2	20	10		A
	31531005	Di truyền và tiến hóa	3	45	0		A
		Học phần tự chọn					
	31422249	<i>Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên</i>	2	15	15		A
	32021002	<i>Quản lý nhà nước về giáo dục</i>	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	13	140	55		
8	31328042	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	2	20	10		
	31322254	Dạy học STEM trong Khoa học tự nhiên	2	15	15		A
	31338043	Dạy học chủ đề năng lượng và sự biến đổi	3	30	15		
	31521009	Sinh thái và môi trường	2	20	10		A
		Học phần tự chọn					
	31421087	<i>Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên môn</i>	2	20	10		A
	31432253	<i>Bài tập Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở</i>	3	15	30		A
		Số tín chỉ trong kỳ	16	140	100		
9	31322246	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	20	10		A
	31338044	Dạy học chủ đề chất và sự biến đổi chất	3	30	15		A
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
		Học phần tự chọn					
	31328045	<i>STEM kết nối cảm biến, AI, IoT</i>	2	15	15		A
	31421003	<i>Thực tế chuyên môn</i>	2	0	60		
	31421306	<i>Hóa học môi trường</i>	2	20	10		A
		Số tín chỉ trong kỳ	15	140	85		
10	31421058	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	31538034	Dạy học chủ đề vật sống	3	30	15		
	31432247	Thực hành dạy học Khoa học tự nhiên	3	0	90		
		Số tín chỉ trong kỳ	7	0	210		
11	31441059	Thực tập sư phạm	4	0	120	31421058	
		Học phần tự chọn					
	31461060	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	10	0	300		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần ghi chú "A" là học phần có thể dạy bằng tiếng Anh.
- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG KHOA

TS. HIỆU TRƯỞNG,
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Nguyễn Thị Ngọc Quyên



TS. Phan Đức Tuấn